

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/02/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP2+RC3	7:25	13+6	0+0		13+6	0+0	
2		CTC1+RP2	9:25	10+9	0+0		8+10	0+0	
3		RC10+RP2	11:25	6+13	0+0		4+11	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/02/2025	TO: RP2 - RC3	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HLONG - VLINH	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU MANH HA	RP2	34	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG HUU SON	RP2	31	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN SACH DON	RP2	29	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
4	LUONG QUOC VUONG	RP2	30	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN KIM CUONG	RP2	37	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VIET HUNG	RP2	28	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN SI DIEP	RP2	36	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
8	VO TUAN ANH	RP2						65	KH-THAC	Vietnamese
9	VU ANH TUNG	RP2	32	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THANH CONG	RP2	35	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THANH DUONG	RP2	27	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN KHAC SANG	RP2	33	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
13	LE CONG MINH HIEU	RP2	38-39	2	10			97	KH-THAC	Vietnamese
14	DO NGUYEN HONG THANH	RC3	62	1	8			83	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TAN HONG	RC3	61	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC XUAN	RC3	58	1	3			59	KH-THAC	Vietnamese
17	DO VAN DUNG	RC3	59	1	5			57	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM THE MANH	RC3	63	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM VAN HIEP	RC3	60	1	8			76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	13	936	13	71	0	0	13		
2	RC3	6	411	6	30	0	0	6		
TOTAL		19	1.347	19	101	0	0	19		
WEIGHT KG			1.347		101		0			

GRAND TOAL: 1.448 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/02/2025	TO: CTC1 - RP2	AIRCRAFT: 614	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HLONG - VLINH	ETA: 11:40
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAN ANH ĐỨC	CTC1	54	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN CÔNG TUYẾN	CTC1	62	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VŨ TIẾN THANH	CTC1	59	1	8			93	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH DUY	CTC1	58	1	4			86	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN HUYỀN	CTC1	55	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HUY CÔNG	CTC1	57	1	6			49	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT HÙNG	CTC1	52-53	2	15	1	17	92	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TUẤN TÚ	CTC1	50-51	2	13			87	KH-THAC	Vietnamese
9	HA QUANG TRUNG	CTC1	60	1	10	1	10	54	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN NAM SON	CTC1	56	1	7			77	PSV	Vietnamese
11	NGO TUAN ANH	RP2	44	1	11			76	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN KHANH	RP2	42	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM QUANG LỢI	RP2	45	1	6			82	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TÙNG	RP2	46	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
15	DƯƠNG QUỐC MẠI	RP2	41	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRƯỜNG THANH	RP2	43	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HAI SANG	RP2	47	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ DUY QUYỀN	RP2	49	1	10			64	KH-THAC	Vietnamese
19	LE CHI CUONG	RP2	40	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTC1	10	744	12	81	2	27	8		
2	RP2	9	614	9	59	0	0	10		
TOTAL		19	1.358	21	140	2	27	18		
WEIGHT KG			1.358		140		27			

GRAND TOAL: 1.525 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/02/2025	TO: RC10 - RP2	AIRCRAFT: 614	ETD: 12:10
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: HLONG - VLINH	ETA: 14:00
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ VĂN LAM	RC10	83-84	2	13	2	32	73	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÀO VIỆT HAI	RC10	81	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN HUNG	RC10	82	1	8			59	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN THÀNH	RC10	85	1	7			61	KH-THAC	Vietnamese
5	HOÀNG NGỌC TÂN	RC10	78	1	5	1	16	65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN DINH AN	RC10	80	1	7			58	PSV	Vietnamese
7	ĐẶNG XUÂN KHOA	RP2						66	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐINH VĂN QUÂN	RP2	61	1	8	2	11	61	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG TRUÔNG	RP2	63	1	11			96	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	RP2	62	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
11	THAI VĂN TUÂN	RP2	54	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THIỆU BÌNH	RP2	59	1	10	1	13	59	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	RP2	57-58	2	15			68	YTE	Vietnamese
14	TRẦN VĂN VIỆT	RP2	53	1	4			77	PSV	Vietnamese
15	TRẦN MINH HUNG	RP2	56	1	4			86	PSV	Vietnamese
16	TRẦN TRỌNG QUÝ	RP2	51	1	7			70	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN LẬP	RP2	50	1	4			65	PSV	Vietnamese
18	TRƯƠNG MẠI QUỐC HUY	RP2	55	1	4			62	PSV	Vietnamese
19	VU DINH TU	RP2	52	1	6			65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC10	6	391	7	44	3	48	4		
2	RP2	13	920	13	82	3	24	11		
TOTAL		19	1.311	20	126	6	72	15		
WEIGHT KG			1.311		126		72			

GRAND TOAL: 1.509 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN